

Số: 848 /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế công tác lựa chọn nhà thầu của Trường Đại học  
Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2111/QĐ-ĐHQG ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2485/ĐHQG-TC ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng và ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 3661/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc Thành lập Tổ xây dựng Quy chế công tác lựa chọn nhà thầu của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản trị Thiết bị.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công tác lựa chọn nhà thầu của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Khi các văn bản trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3.** Trường phòng Quản trị Thiết bị, Trường phòng Kế hoạch Tài chính, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, QTTB.



## QUY CHẾ

### Công tác lựa chọn nhà thầu của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-KHTN ngày 17 tháng 03 năm 2026  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế công tác lựa chọn nhà thầu của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM (gọi tắt là “Quy chế”) quy định và áp dụng đối với các hoạt động đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư và dự toán mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên và đảm bảo tính liên tục cho hoạt động chuyên môn, dịch vụ của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM (gọi tắt là Trường ĐH KHTN).

2. Quy chế này không áp dụng đối với lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu sử dụng vốn do tổ chức, cá nhân trong nước tài trợ mà nhà tài trợ yêu cầu không lựa chọn nhà thầu theo quy định của Quy chế này.

#### Điều 2. Mục đích và nguyên tắc lựa chọn nhà thầu

1. Nâng cao hiệu quả quản lý vốn, chi phí mua sắm, tiết kiệm thời gian trong việc lựa chọn nhà thầu đáp ứng kịp thời, bảo đảm tính liên tục cho hoạt động chuyên môn và duy trì hoạt động thường xuyên của Trường ĐH KHTN.

2. Đảm bảo hoạt động lựa chọn nhà thầu công khai, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định khác của Trường ĐH KHTN.

3. Phân định rõ trách nhiệm của phòng chức năng, khoa chuyên môn thuộc Trường ĐH KHTN; đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện lựa chọn nhà thầu tại Trường ĐH KHTN.

### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng đối với đơn vị thuộc Trường ĐH KHTN và các cá nhân, đơn vị tham gia hoặc có liên quan trong hoạt động đấu thầu; hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu.

2. Việc lựa chọn nhà thầu cho việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Đảng ủy, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội thuộc Trường ĐH KHTN áp dụng Quy chế này nếu sử dụng nguồn kinh phí tự chủ của Trường ĐH KHTN.

3. Các đơn vị trực thuộc Trường ĐH KHTN căn cứ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này xây dựng quy định riêng áp dụng cho đơn vị, báo cáo Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN theo quy định.

### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. *Người có thẩm quyền* là người quyết định đầu tư đối với dự án hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư đối với dự toán mua sắm theo quy định của pháp luật.

2. *Chủ đầu tư* là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án; đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài ngân sách nhà nước; đơn vị mua sắm tập trung.

3. *Đơn vị sử dụng* là đơn vị, cá nhân thuộc Trường ĐH KHTN đề nghị chủ đầu tư phê duyệt nhu cầu đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động tại đơn vị sử dụng.

4. *Đơn vị mua sắm* là đơn vị, cá nhân thuộc Trường ĐH KHTN do Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN giao nhiệm vụ thực hiện thủ tục đầu tư, mua sắm theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hoặc là đơn vị tư vấn được Trường ĐH KHTN lựa chọn.

5. *Dự án đầu tư* (sau đây gọi là dự án) bao gồm: chương trình, dự án, nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật.

6. *Dự toán mua sắm* là dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi nguồn tài chính hợp pháp của Trường ĐH KHTN.

7. *Đấu thầu* là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, lựa chọn nhà đầu tư để ký kết, thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

8. *Đấu thầu không qua mạng* khi áp dụng các hình thức quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 19, Điều 20 của Quy chế này.

9. *Đấu thầu qua mạng* là việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Áp dụng đối với hình thức quy định tại Điều 16, 17, 18 của Quy chế này.

10. *Đấu thầu quốc tế* là hoạt động đấu thầu mà nhà thầu, nhà đầu tư trong nước, nước ngoài được tham dự thầu.

11. *Đấu thầu trong nước* là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu.

12. *Dịch vụ tư vấn* là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án; tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán và các dịch vụ tư vấn khác (được quy định tại Phụ lục 1 – A - TV).

13. *Dịch vụ phi tư vấn* là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa (kể cả sửa chữa công trình, nhà cửa, kho bãi không thuộc dự án đầu tư), bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn (được quy định tại Phụ lục 1 – B - PTV).

14. *Hàng hóa* gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại (được quy định tại Phụ lục 1 – C - HH).

15. *Xây lắp* gồm những công việc thuộc quá trình xây dựng và lắp đặt công trình, hạng mục công trình (được quy định tại Phụ lục 1 – D - XL).

16. *Gói thầu* là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm, có thể gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với dự toán mua sắm, mua sắm tập trung.

17. *Giá gói thầu* là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Giá gói thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế.

18. *Giá dự thầu* là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, báo giá bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, báo giá.

19. *Giá đề nghị trúng thầu* là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, báo giá trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

20. *Giá hợp đồng* là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

21. *Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi có bước mời quan tâm, sơ tuyển, bao gồm các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu làm căn cứ để chủ đầu tư lựa chọn danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển, danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm được đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm là toàn bộ tài liệu sử dụng cho dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực, bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư.

22. *Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho chủ đầu tư theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là toàn bộ tài liệu do nhà đầu tư lập và nộp theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

23. *Hồ sơ mời thầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để chủ đầu tư, bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.

24. *Hồ sơ yêu cầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để chủ đầu tư tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.

25. *Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho chủ đầu tư, bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

26. Trang thông tin điện tử của Trường ĐH KHTN là trang thông tin điện tử có địa chỉ: <https://hcmus.edu.vn/>.

27. *Danh sách nhà thầu uy tín* là danh sách các nhà thầu đã cung cấp hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, tư vấn đáp ứng và đã hoàn thành hợp đồng cho Trường ĐH KHTN (Phụ lục 1 - Đ).

Các từ ngữ liên quan khác trong Quy chế này chọn, tham khảo theo giải thích từ ngữ của các văn bản có liên quan pháp luật về đấu thầu hiện hành.

#### **Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt nhu cầu đầu tư, mua sắm và thực hiện thủ tục đầu tư, mua sắm**

1. Đối với dự án đầu tư, Hiệu trưởng là người có thẩm quyền quyết định nhu cầu đầu tư.

2. Đối với dự toán mua sắm, Hiệu trưởng giao cho Người đứng đầu các đơn vị thực hiện thủ tục đầu tư, mua sắm theo chức năng, nhiệm vụ được phân

công tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hoặc là đơn vị tư vấn được Trường ĐH KHTN lựa chọn.

3. Người đứng đầu các đơn vị thực hiện thủ tục mua sắm trực tiếp soạn thảo hợp đồng, thương thảo các điều kiện hợp đồng và thừa uỷ quyền (nếu có) của Hiệu trưởng để ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

4. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể uỷ quyền cho Phó Hiệu trưởng được phân công theo lĩnh vực phê duyệt nhu cầu mua sắm thực hiện thủ tục mua sắm, ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

## **CHƯƠNG II**

### **QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **Điều 6. Các bước thực hiện dự án đầu tư**

1. Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: Lập đề xuất chương trình; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (BCNCKT) hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án; lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng làm cơ sở lập dự án; lập, thẩm định BCNCKT hoặc BCKTKT để phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng; các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án.

2. Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: Chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có); khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng); lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; vận hành, chạy thử; nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và bàn giao công trình đưa vào sử dụng; giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng; các công việc cần thiết khác liên quan đến thực hiện dự án.

3. Giai đoạn kết thúc xây dựng gồm các công việc: Quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, xác nhận hoàn thành công trình; bảo hành công trình xây dựng, bàn giao các hồ sơ liên quan; giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng; các công việc cần thiết khác.

Việc triển khai thực hiện các bước của dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của các pháp luật có liên quan.

### CHƯƠNG III

## QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN MUA SẮM

#### Điều 7. Các bước thực hiện mua sắm

1. Tiếp nhận đề nghị mua sắm
2. Duyệt đề nghị
3. Lập dự toán mua sắm (DTMS)
4. Thẩm định dự toán mua sắm (đối với DTMS có hạn mức từ 100 triệu đồng trở lên)
5. Phê duyệt dự toán mua sắm
6. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu
7. Duyệt, đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu
8. Tổ chức lựa chọn nhà thầu
9. Phê duyệt, đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu
10. Hoàn thiện, lập hợp đồng.
11. Thực hiện hợp đồng
12. Nghiệm thu bàn giao, thanh lý hợp đồng.
13. Đăng tải kết quả thực hiện hợp đồng.
14. Đăng tải chất lượng hàng hóa hợp đồng.
15. Tăng tài sản (nếu có)
16. Lập hồ sơ thanh toán
17. Bảo hành, bảo trì (nếu có).

#### Điều 8. Giá trị dự toán

Giá trị dự toán được lập căn cứ theo một trong các thông tin sau:

1. Định mức, đơn giá theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
2. Mức lương chuyên gia theo nội dung và phạm vi công việc, số lượng chuyên gia, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn.
3. Kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa, dịch vụ tương tự trong thời gian tối đa 12 tháng trước ngày trình thẩm định dự toán, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo các thay đổi về khối lượng mua sắm hoặc giá thị trường của hàng hóa hay dịch vụ cần mua sắm để xây dựng giá trị dự toán.
4. Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá.
5. Kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

6. Giá niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng, doanh nghiệp.

7. Giá kê khai do cơ quan, đơn vị có chức năng, thẩm quyền công bố hoặc cung cấp.

## **CHƯƠNG IV**

### **QUY ĐỊNH, TRÌNH TỰ THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

#### **Điều 9. Căn cứ triển khai thực hiện đấu thầu**

1. Đối với dự án đầu tư: Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;

2. Đối với dự toán mua sắm: có kế hoạch mua sắm hàng năm hoặc đột xuất được duyệt và dự toán mua sắm được duyệt (nếu có), tài liệu có liên quan.

#### **Điều 10. Các bước thực hiện đấu thầu**

1. Lập, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
2. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu.
3. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.
4. Đánh giá Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.
5. Thương thảo hợp đồng (nếu có).
6. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
7. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

#### **Điều 11. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

1. Nguyên tắc phân chia gói thầu:

Việc phân chia dự án đầu tư, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án đầu tư, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án đầu tư, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án đầu tư, dự toán mua sắm



thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ.

b) Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm.

c) Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án đầu tư, dự toán mua sắm, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...).

## 2. Trường hợp áp dụng:

a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu không áp dụng đối với hình thức mua sắm nhỏ lẻ (có giá gói thầu như Điều 12 của Quy chế này).

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể lập cho 01 hoặc nhiều nội dung mua sắm.

## 3. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm:

a) Tên gói thầu: Tên gói thầu thể hiện tính chất (Hàng hóa, Phi tư vấn, Tư vấn, xây lắp, hỗn hợp), nội dung, phạm vi công việc của gói thầu. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

b) Giá gói thầu: Giá gói thầu là giá trị hạng mục công trình thuộc dự án đầu tư được duyệt, giá trị dự toán được duyệt (trừ chi phí quản lý của đơn vị mua sắm nếu có). Giá gói thầu bao gồm phí, lệ phí, thuế và dự phòng phí (trường hợp giá gói thầu đã tính đúng tính đủ thì dự phòng bằng không).

Đối với gói thầu chia phần thì ghi rõ giá gói thầu và giá dự toán cho từng phần trong giá gói thầu.

c) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Ngoài mua sắm nhỏ lẻ (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 12) là một trong các hình thức sau:

- Chỉ định thầu thông thường (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 13);
- Chỉ định thầu rút gọn (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 14);
- Chào hàng cạnh tranh (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 15);
- Mua sắm trực tiếp (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 16);
- Tự thực hiện (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 17);
- Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 18);
- Đấu thầu hạn chế (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 19);
- Đấu thầu rộng rãi (trường hợp áp dụng quy định tại Điều 20).

d) Phương thức lựa chọn nhà thầu: Phương thức một (01) giai đoạn một (01) túi hồ sơ (trừ trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu tư vấn là phương thức một (01) giai đoạn hai (02) túi hồ sơ); đối với mua sắm nhỏ lẻ, hình

thức chỉ định thầu rút gọn và hình thức đàm phán trực tiếp không có phương thức lựa chọn nhà thầu.

e) Thời gian dự kiến bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Là thời điểm dự kiến sẽ tổ chức lựa chọn nhà thầu (tháng, quý trong năm).

f) Loại hợp đồng:

- Hợp đồng trọn gói: Được áp dụng tại thời điểm dự kiến mua sắm đã xác định rõ phạm vi công việc, nội dung cung cấp, thời gian thực hiện mua sắm. Giá trị thanh toán là giá trị hợp đồng ký kết;

- Hợp đồng theo đơn giá cố định: Là hợp đồng có đơn giá cho một (01) đơn vị sản phẩm không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Được áp dụng tại thời điểm dự kiến mua sắm chưa xác định rõ một trong các nội dung: phạm vi công việc, nội dung cung cấp. Giá trị thanh toán là đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng được nghiệm thu;

- Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Là hợp đồng có đơn giá cho 1 đơn vị sản phẩm thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng. Được áp dụng tại thời điểm dự kiến mua sắm chưa xác định rõ một trong các nội dung: phạm vi công việc, nội dung cung cấp, thời gian thực hiện mua sắm dài. Giá trị thanh toán là đơn giá điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng được nghiệm thu;

- Hợp đồng theo thời gian: Là hợp đồng có đơn giá được tính trên cơ sở đơn giá cho 1 đơn vị thời gian hoặc mức lương thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần, tháng. Được áp dụng cho gói thầu sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị, dịch vụ tư vấn tại thời điểm dự kiến mua sắm khó xác định rõ phạm vi công việc, nội dung cung cấp, thời gian thực hiện dịch vụ. Giá trị thanh toán là đơn giá cho 1 đơn vị thời gian hoặc mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần, tháng nhân với khối lượng, số lượng được nghiệm thu.

g) Thời gian thực hiện hợp đồng: Là số ngày hoặc số tháng tính từ ngày hai bên ký kết hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, dịch vụ, hàng hóa.

## **Chương V**

### **CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

#### **Điều 12. Mua sắm nhỏ lẻ**

1. Đối tượng áp dụng: Gói thầu mua sắm hàng hóa sẵn có trên thị trường, các dịch vụ tư vấn, phi tư vấn thông dụng đơn giản.

2. Hạn mức áp dụng: Giá gói thầu thuộc dự toán mua sắm: không quá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

**Điều 13. Chỉ định thầu thông thường**

1. Đối tượng áp dụng: Gói thầu thuộc các trường hợp quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và h khoản 5 và khoản 6 Điều 78 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

2. Điều kiện áp dụng: Việc áp dụng chỉ định thầu đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;
- b) Có kế hoạch bố trí vốn để thực hiện gói thầu, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu;
- c) Có dự toán gói thầu được phê duyệt đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định về việc lập dự toán.

3. Quy trình chỉ định thầu thông thường: theo quy định tại điểm 3 Điều 79 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

**Điều 14. Chỉ định thầu rút gọn**

1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định 214/NĐ-CP, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định 214/NĐ-CP.

b) Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 78 của Nghị định 214/NĐ-CP, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện áp dụng: Việc áp dụng chỉ định thầu đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;
- b) Có kế hoạch bố trí vốn để thực hiện gói thầu, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu;
- c) Có dự toán gói thầu được phê duyệt đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định về việc lập dự toán.

3. Quy trình Chỉ định thầu rút gọn: theo quy định tại điểm 3 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

### **Điều 15. Chào hàng cạnh tranh**

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;
- b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;
- c) Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;
- d) Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Hạn mức áp dụng:

Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng.

3. Quy trình Chào hàng cạnh tranh được thực hiện gồm các bước cơ bản như sau:

- Bước 1: Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu
- Bước 2: Tổ chức lựa chọn nhà thầu
- Bước 3: Đánh giá các hồ sơ đề xuất và thương thảo hợp đồng
- Bước 4: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu
- Bước 5: Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

### **Điều 16. Mua sắm trực tiếp**

1. Đối tượng áp dụng:

Gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác.

2. Trường hợp áp dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
  - Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó;
  - Chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có);
  - Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng;

- Thời gian từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

b) Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.

3. Quy trình Mua sắm trực tiếp được thực hiện gồm các bước cơ bản như sau:

- Bước 1: Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu
  - o Lập hồ sơ yêu cầu
  - o Phê duyệt hồ sơ yêu cầu
- Bước 2: Phát hành Hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu đã được lựa chọn trước đó.
  - Bước 3: Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất.
  - Bước 4: Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo (nếu có).
  - Bước 5: Phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp.
  - Bước 6: Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

### **Điều 17. Tự thực hiện**

1. Đối tượng áp dụng: Gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn.

2. Điều kiện áp dụng:

a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu;
- Có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu;
- Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu.

b) Chủ đầu tư trực tiếp tự thực hiện gói thầu hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc tổ chức đó thực hiện.

c) Tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc.

3. Quy trình tự thực hiện: theo quy định của Luật Đấu thầu, Điều 83 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

**Điều 18. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**

1. Đối tượng áp dụng: Gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn.
2. Điều kiện áp dụng: theo quy định của Luật Đấu thầu, điều 84 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.
3. Quy trình thực hiện: theo quy định của Luật Đấu thầu, điều 85 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

**Điều 19. Đấu thầu hạn chế**

1. Trường hợp áp dụng:
  - a) Gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu.
  - b) Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.
2. Quy trình đấu thầu hạn chế: theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

**Điều 20. Đấu thầu rộng rãi**

1. Trường hợp áp dụng:
  - a) Gói thầu xây lắp, hỗn hợp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn.
  - b) Trường hợp không áp dụng được các hình thức đấu thầu từ Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19.
2. Quy trình đấu thầu rộng rãi: theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn có liên quan.

**Chương VI  
CÁC NỘI DUNG KHÁC****Điều 21. Đăng tải thông tin, thời gian đăng tải và phát hành hồ sơ**

1. Thông tin về lựa chọn nhà thầu bao gồm:
  - a) Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
  - b) Thông báo yêu cầu chào hàng cạnh tranh, thông báo mời tham gia; Thông báo mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.
  - c) Kết quả lựa chọn nhà thầu.
  - d) Hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có).
  - e) Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và nội dung làm rõ (nếu có).

Các thông tin quy định tại khoản 1 được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

2. Thời gian đăng tải:

a) Chậm nhất là năm (05) ngày làm việc đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu kể từ ngày quyết định phê duyệt được ban hành.

b) Chậm nhất là ba (03) ngày làm việc đối với thông báo yêu cầu chào hàng cạnh tranh, thông báo mời tham gia, thông báo mời thầu được ban hành.

c) Chậm nhất là năm (05) ngày làm việc đối với kết quả lựa chọn nhà thầu kể từ ngày quyết định phê duyệt được ban hành.

3. Phát hành hồ sơ đấu thầu:

a) Yêu cầu báo giá, Hồ sơ yêu cầu được phát hành miễn phí trên Trang thông tin điện tử của Trường ĐH KHTN ngay sau khi đăng tải thông báo yêu cầu chào hàng cạnh tranh, thông báo mời tham gia.

b) Hồ sơ mời thầu qua mạng được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời thầu qua mạng.

### **Điều 22. Xử lý tình huống trong đấu thầu**

1. Trường hợp phát sinh tình huống chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu và các nội dung khác trong hoạt động đấu thầu thì đơn vị mua sắm chọn tham khảo xử lý tình huống theo Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp gói thầu đã tổ chức đấu thầu mà chưa lựa chọn được nhà thầu nhưng do nhu cầu sử dụng hàng hóa cấp bách thì đơn vị mua sắm (hoặc bên mời thầu) có tờ trình giải trình cụ thể trình Người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 23. Hủy thầu**

Các trường hợp hủy thầu bao gồm:

1. Tất cả Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu.

2. Thay đổi về mục tiêu, phạm vi trong quyết định mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu.

3. Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của Quy chế hoặc thực hiện trái quy định của pháp luật liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.

4. Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới, hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Trường hợp bên mời thầu hủy thầu theo khoản 1, 4 Điều này sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm bồi thường hay bất kỳ chi phí nào cho nhà thầu tham dự; các trường hợp còn lại do 02 bên thỏa thuận.

**Điều 24. Trách nhiệm các bên liên quan**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư
  - a) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
  - b) Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
  - c) Xử lý vi phạm về đấu thầu.
  - d) Hủy thầu.
  - e) Tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng.
2. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng
  - a) Chịu trách nhiệm xác định một cách chính xác nhu cầu về số lượng, chủng loại, chất lượng của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với nhu cầu công việc, hoạt động chuyên môn, dịch vụ mà đơn vị mình đang được giao nhiệm vụ theo dõi, vận hành.
  - b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ cần thiết cho người có thẩm quyền, đơn vị mua sắm để xác định cụ thể nhu cầu mua sắm.
  - c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc xác định nhu cầu cần thiết phải mua sắm hàng hoá, dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động chuyên môn, dịch vụ của Trường ĐH KHTN, duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị.
3. Trách nhiệm của đơn vị mua sắm
  - a) Thực hiện công việc một cách khách quan, cẩn trọng, chính xác, công khai, minh bạch, công bằng.
  - b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hiệu trưởng về tính chính xác của hồ sơ mua sắm.
  - c) Lưu trữ hồ sơ mua sắm theo đúng quy định của pháp luật và của Trường ĐH KHTN.
4. Trách nhiệm thành viên thuộc đơn vị mua sắm:
  - a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu, lập Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu, Yêu cầu báo giá khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
  - b) Đánh giá Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ đề xuất, Báo giá trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
  - c) Chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.
  - d) Bảo mật các thông tin và hồ sơ, tài liệu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ đề xuất, Báo giá.
  - e) Có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu của Người có thẩm quyền.
5. Trách nhiệm thành viên Tổ thẩm định:

- a) Thẩm định Hồ sơ mời thầu, Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (khi có yêu cầu) trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
- b) Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình.
- c) Bảo mật các thông tin và hồ sơ, tài liệu trong quá trình thẩm định Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, Báo giá.
- d) Có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu của Người có thẩm quyền.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 25. Quy định chuyển tiếp**

1. Các hồ sơ (kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu, ...) đã được duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định có liên quan.

2. Chủ đầu tư áp dụng các biểu mẫu kèm theo quy chế này. Trong quá trình áp dụng nếu có một số biểu mẫu ghi thừa hoặc ghi thiếu nội dung thì được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhưng phải đảm bảo tính công khai.

#### **Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy chế này; ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy chế này (nếu cần thiết) áp dụng trong Trường ĐH KHTN trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chế này và các quy định của Trường ĐH KHTN.

2. Người đứng đầu các đơn vị thuộc Trường ĐH KHTN có trách nhiệm quán triệt, yêu cầu các bộ phận, cá nhân trực thuộc đơn vị mình tham gia quá trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ phải nghiên cứu và thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

#### **Điều 27. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình áp dụng, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc thay đổi quy định pháp luật, các đơn vị cá nhân có liên quan phản ánh về Phòng Quản trị Thiết bị để tham mưu Hiệu trưởng quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

## MỤC LỤC

<b>Chương I QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....	1
Điều 2. Mục đích và nguyên tắc lựa chọn nhà thầu .....	1
Điều 3. Đối tượng áp dụng .....	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ .....	2
Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt nhu cầu đầu tư, mua sắm và thực hiện thủ tục đầu tư, mua sắm .....	4
<b>CHƯƠNG II QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	5
Điều 6. Các bước thực hiện dự án đầu tư .....	5
<b>CHƯƠNG III QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN MUA SẮM</b> .....	6
Điều 7. Các bước thực hiện mua sắm .....	6
Điều 8. Lập dự toán .....	6
<b>CHƯƠNG IV QUY ĐỊNH, TRÌNH TỰ THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b> .....	7
Điều 9. Căn cứ triển khai thực hiện đấu thầu .....	7
Điều 10. Các bước thực hiện đấu thầu .....	7
Điều 11. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu .....	7
<b>Chương V CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b> .....	9
Điều 12. Mua sắm nhỏ lẻ .....	9
Điều 14. Chỉ định thầu rút gọn .....	10
Điều 15. Chỉ định thầu thông thường .....	10
Điều 16. Chào hàng cạnh tranh .....	11
Điều 17. Đấu thầu hạn chế .....	12
Điều 18. Đấu thầu rộng rãi .....	13
Điều 19. Tự thực hiện .....	12
Điều 20. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt .....	13
<b>Chương VI CÁC NỘI DUNG KHÁC</b> .....	13
Điều 21. Đăng tải thông tin, thời gian đăng tải và phát hành hồ sơ .....	13
Điều 22. Xử lý tình huống trong đấu thầu .....	14

Điều 23. Hủy thầu.....	14
Điều 24. Trách nhiệm các bên liên quan.....	15
<b>Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	16
Điều 25. Quy định chuyên tiếp.....	16
Điều 26. Trách nhiệm thi hành.....	16
Điều 27. Điều khoản thi hành.....	16

## Phụ lục 1

### DANH MỤC DỊCH VỤ TƯ VẤN, PHI TƯ VẤN, HÀNG HÓA, XÂY LẬP

#### I. Dịch vụ tư vấn

STT	Tên dịch vụ	Ghi chú
1.	Tư vấn pháp lý	
2.	Tư vấn đấu thầu	
3.	Tư vấn đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, giấy đăng ký môi trường	
4.	Tư vấn khảo sát, thiết kế, xây dựng	
5.	Tư vấn thẩm tra, thẩm định, kiểm định	
6.	Tư vấn thẩm định giá	
7.	Tư vấn liên quan đến quản lý tài sản trí tuệ	
8.	Tư vấn kiểm định chất lượng (công trình, thiết bị)	
9.	Tư vấn xin giấy phép nhập khẩu máy móc thiết bị	
10.	Đào tạo phát triển nguồn nhân lực và các công việc liên quan đến nhân sự	
11.	Dịch vụ tư vấn liên quan đến hệ thống quản lý	
12.	Dịch vụ tư vấn khác	

#### II. Dịch vụ phi tư vấn

STT	Tên dịch vụ	Ghi chú
1.	Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác chức danh, phục vụ hoạt động chung	
2.	Máy đo trang phục/đồng phục	
3.	In sổ, sách các loại	
4.	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt; rác thải nguy hại; cải tạo, nạo vét, bảo trì hệ thống xử lý nước thải; thông cống, hút bể phốt	
5.	Diệt trừ côn trùng (mối, muỗi, chuột...)	
6.	Khám sức khỏe định kỳ cho viên chức, người lao động	

STT	Tên dịch vụ	Ghi chú
7.	Sửa chữa các hạng mục phục vụ hoạt động thường xuyên có tính chất cấp thiết	
8.	Bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tai nạn cá nhân, các loại bảo hiểm bắt buộc	
9.	Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ	
10.	Dịch vụ ăn uống (tiếp khách, đối tác; tiệc liên hoan, họp mặt...)	
11.	Dịch vụ thuê phương tiện vận chuyển	
12.	Cung cấp dịch vụ lao động/vệ sinh/bảo vệ/tài xế/giặt ủi	
13.	Dịch vụ mua/thuê hoa/cây cảnh; chăm sóc cảnh quan; bảo dưỡng cây xanh; trang trí (dán decal, vẽ trang trí...)	
14.	Số hóa/chỉnh lý hồ sơ, tài liệu	
15.	Tổ chức sự kiện (hội thảo, hội nghị,...)	
16.	Dịch vụ du lịch, tham quan về nguồn, nghỉ mát hàng năm	
17.	Dịch vụ báo chí, dịch vụ phục vụ các lớp đào tạo	
18.	Dịch vụ tin học, dịch vụ phần mềm, dịch vụ thuê phần mềm; bảo trì hệ thống công nghệ thông tin, mạng nội bộ	
19.	Dịch vụ điện, nước, điện thoại, mạng internet	
20.	Dịch vụ đào tạo về an toàn – vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường...	
21.	Dịch vụ chứng nhận hệ thống quản lý	
22.	Dịch vụ bưu điện, chuyên phát nhanh	
23.	Dịch vụ vé máy bay, khách sạn	
24.	Đăng kiểm, nộp phí sử dụng đường bộ xe ô tô, bảo hiểm tai nạn dân sự bắt buộc xe ô tô, cước đường bộ	
25.	Bảo trì định kỳ thang máy, hệ thống lọc nước, thiết bị phòng học, máy lạnh, thiết bị an ninh, hệ thống phòng cháy chữa cháy, xe ô tô,...	
26.	Dịch vụ phi tư vấn khác	

### III. Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Ghi chú
1.	Linh kiện máy móc, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ thông tin	
2.	Văn phòng phẩm, mực in	
3.	Máy móc, thiết bị, vật tư, linh kiện văn phòng (máy tính, màn hình led, máy in, máy scan, máy photocopy, máy fax, máy bấm số, máy quét mã vạch...)	
4.	Trang thiết bị giám sát, an ninh	
5.	Công cụ, dụng cụ, thiết bị vệ sinh, vệ sinh phẩm (các dung dịch tẩy rửa, vệ sinh...); vật tư tiêu hao	
6.	Linh kiện, đồ dùng, trang thiết bị, phụ tùng xe ô tô	
7.	Gas, xăng, dầu	
8.	Hóa chất, dụng cụ, nguyên vật liệu thí nghiệm phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học	
9.	Trang phục bảo hộ lao động, phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện phòng cháy chữa cháy	
10.	Trang thiết bị nội thất (bàn, ghế, tủ, kệ, tủ lạnh, máy nước nóng, ...), ngoại thất	
11.	Vải may trang phục, đồng phục	
12.	Hàng hóa khác	

### IV. Xây lắp

STT	Tên xây lắp	Ghi chú
1	Các hạng mục công việc thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình, lắp đặt công trình, hạng mục công trình	
2	Các hạng mục công việc thuộc dự toán mua sắm sửa chữa công trình xây dựng.	